

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

18. Chi phí phải trả ngắn hạn		31/03/2021	01/01/2021
- Phí môi giới, marketing cho Dự án Centa Park		1,854,558,985	1,854,558,985
- Công ty TNHH MTV QL KD Nhà TP.HCM		1,080,000,000	
- Công ty CP Giống Gia Cầm Miền Nam		3,695,454,546	3,174,545,455
- Lãi vay phải trả		950,484,880	950,484,880
- Chi phí phải trả khác		15,000,000	111,526,893
Cộng		7,595,498,411	6,091,116,213
19. Vay và nợ thuê tài chính			
a) Vay ngắn hạn	Số đầu năm	Tăng	Giảm
			31/03/2021
- VP Bank	2,097,433,294		310,800,003
Cộng	2,097,433,294	-	310,800,003
b) Vay dài hạn			
Quỹ hỗ trợ phát triển - CN Hà Nội	125,301,475	-	15,000,000
			110,301,475
20. Phải trả ngắn hạn khác		31/03/2021	01/01/2021
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN		156,558,860	159,741,247
- Phải trả lương nhân viên nghỉ việc từ thời điểm cổ phần hóa		81,480,250	81,480,250
- Lãi chậm nộp thuế		3,742,618,763	3,742,618,763
- Cổ tức còn phải trả		1,918,980,093	1,918,980,093
- Phải trả các khoản tiền mượn		18,727,604,157	18,727,604,157
+ Công ty CP Thủ Thiêm Land		13,656,489,635	13,656,489,635
+ Công ty CP Thanh Niên		20,733,574,661	19,062,019,661
+ Các đối tượng khác		5,071,114,522	5,071,114,522
- Khoản nhận vốn góp Hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến dự án Centa Park 678 Âu Cơ, P14, Q.TB (a)		500,282,105,040	500,282,105,040
- Phải trả tiền liên quan đến việc mua bán tài sản		500,000,000	500,000,000
- Khoản phải trả Công ty Dầu Tầm Tơ Việt Nam liên quan đến lãi của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (b)		16,389,333,333	16,389,333,333
- Phải trả liên quan đến việc nhận giữ chỗ mua căn hộ		2,846,847,200	2,846,847,200
- Các khoản phải trả khác		2,605,408,103	2,854,723,965
Cộng		567,984,510,460	566,565,453,709

(a) Theo Hợp đồng hợp tác số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18/08/2016 giữa Công ty và Công ty CP TM DV và Xây dựng về việc hợp tác đầu tư dự án Centa Park tại số 678 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình. Công ty góp vốn bằng quyền đầu tư dự án và các hạng mục công trình với giá trị tạm tính 500.000.000.000 đ, Công ty CP TM DV và Xây dựng sẽ góp vốn bằng tiền 500.000.000.000 đ. Các bên được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ dự án theo tỷ lệ góp vốn dự án.

(b) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 03.08/HĐHTKD/SEASG-DTT/2015 ngày 03/08/2015 giữa Công ty và Công ty CP - Tổng công ty Dầu tơ tầm Việt Nam. Công ty góp vốn bằng toàn bộ quyền sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất tại 1534 Võ Văn Kiệt, P7, Q6. Công ty CP - Tổng công ty Dầu tơ tầm Việt Nam góp 14.000.000.000 đ, lãi hợp tác kinh doanh là 2.389.333.333 đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

21. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
Vốn góp của chủ sở hữu	396,000,000,000		-	396,000,000,000
Các quỹ	931,464,240	-	-	931,464,240
LNST chưa phân phối	54,717,036,899	57,866,716		54,774,903,615
Cộng	451,648,501,139	57,866,716	-	451,706,367,855
	01/01/2021	Tăng	Giảm	31/03/2021
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	396,000,000,000		-	396,000,000,000
Các quỹ	931,464,240	-	-	931,464,240
LNST chưa phân phối	54,774,903,615	185,229,410	-	54,960,133,025
Lợi ích cổ đông đồng kiểm soát				-
Cộng	451,706,367,855	185,229,410	-	451,891,597,265

Vốn góp thực tế đến 31/03/2021

	Số tiền	Tỷ lệ
(*) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu		
- Trần Minh Tính	20,381,000,000	5.15%
- Nguyễn Nhân Kiệt	99,000,000,000	25.00%
- Nguyễn Trọng Trí	32,000,000,000	8.08%
- Các cổ đông khác	244,619,000,000	61.77%
Cộng	396,000,000,000	100%

b) Cổ phiếu

	31/03/2021	01/01/2021
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,600,000	39,600,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu phổ thông	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu phổ thông	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê kho, văn phòng...)	3,950,678,124	4,333,525,998
Cộng	3,950,678,124	4,333,525,998
2. Giá vốn hàng bán	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020
- Giá vốn dịch vụ	2,088,023,963	2,105,845,174
Cộng	2,088,023,963	2,105,845,174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	753,888,889	1,386,646,742
- Lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá	214,316	792,986
Cộng	754,103,205	1,387,439,728
4. Chi phí tài chính	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
- Chi phí lãi vay	46,299,343	93,249,129
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(298,525,500)	
Cộng	(252,226,157)	93,249,129
5. Chi phí bán hàng	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
- Chi phí nhân viên quản lý	653,455,285	477,285,405
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	18,936,291	25,736,960
- Chi phí khấu hao TSCĐ	346,906,908	356,984,358
- Thuế, phí và lệ phí	234,516,357	235,872,911
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi		329,021,122
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,029,479,205	858,409,266
Cộng	2,283,294,046	2,283,310,017
7. Thu nhập khác	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
Cộng	-	-
8. Chi phí khác	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
- Thù lao HĐQT và BKS		
- Phạt vi phạm hợp đồng	300,000,000	844,196,678
- Lãi chậm nộp thuế		15,492,644
Cộng	300,000,000	859,689,322
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động kinh doanh chính	285,689,477	378,872,084
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
Tổng thu nhập kế toán trước thuế	285,689,477	378,872,084
Các khoản điều chỉnh tăng	216,610,857	216,610,857
Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	502,300,334	595,482,941
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	-
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chính năm trước mang sang		
Thu nhập tính thuế	502,300,334	595,482,941
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	100,460,067	119,096,588
Tổng thuế TNDN phải nộp	100,460,067	119,096,588



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

2. Thông tin về các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

- Các bên liên quan

+ Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến

+ Công ty CP Thủ Thiêm Land

+ Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm

Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến có người đại diện theo pháp luật là cổ đông lớn của Công ty.

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm có người đại diện theo pháp luật là cổ đông lớn của Công ty.

- Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến

- Công ty CP Thủ Thiêm Land

Thu tiền mượn

- Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm

Thu tiền mượn

Cộng

Quý I năm 2021

Quý I năm 2020


	700,000,000
400,000,000	700,000,000
400,000,000	700,000,000

4. Các cam kết khác

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Trần Thị Mai Thu


Trần Thị Mai Thu

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2021

Tổng giám đốc




Lưu Vũ Hoàng

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN SÀI GÒN**

Số: 28 /CV/SeaSG/2021
V/v: Giải trình chênh lệch LNST

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TPHCM, ngày 20 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tổ chức niêm yết: Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn (Seaprodex Sài Gòn)
2. Mã chứng khoán: SSN
3. Điện thoại: 028 3 7309 9999
4. Sàn giao dịch: Upcom

Căn cứ vào báo cáo tài chính quý 1 năm 2020 và báo cáo tài chính quý 1 năm 2021 của Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn.

Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn xin được giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2021 so với quý 1 năm 2020 trên báo cáo tài chính như sau:

Chỉ tiêu tài chính	Kết quả SXKD	
	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020
Lợi nhuận sau thuế	185.229.410	259.775.496

Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP XNK Thủy sản Sài Gòn quý 1 năm 2021 giảm 74,54 triệu tương đương 28,70% so với quý 1 năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là giảm doanh thu hoạt động tài chính.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lin Yi Huang